

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2017

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Hợp

2. Bà Phạm Thị Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái

Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2017/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 47/2017/TB-XX, ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Anh Vũ Ngọc H**, sinh năm 1970, Có mặt

Địa chỉ: Tổ 18, phường H, thành phố Y, tỉnh Y

2. *Bị đơn:* **Chị Ngô Thị Xuân H1**, sinh năm 1973, Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 18, phường H, thành phố Y, tỉnh Y

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-9-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Anh Vũ Ngọc H trình bày:***

Anh Vũ Ngọc H và Chị Ngô Thị Xuân H1 đăng ký kết hôn ngày 26/10/2007, tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn anh H và chị H1 chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đó hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được, cũng từ đó đến nay anh H và chị H1 đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn Chị Ngô Thị Xuân H1 .

*Về con chung:* Anh Vũ Ngọc H và Chị Ngô Thị Xuân H1 có hai con chung, cháu thứ nhất là Vũ Như N, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1991. Cháu thứ hai là Vũ Thanh S, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1993. Hiện nay các cháu đã đến tuổi trưởng thành nên anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Vũ Ngọc H và Chị Ngô Thị Xuân H1 tự thỏa thuận phân chia, nên anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa, bị đơn Chị Ngô Thị Xuân H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.***

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Chị Ngô Thị Xuân H1 vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Ngọc H và Chị Ngô Thị Xuân H1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 10 năm 2007, tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016, thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đó hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được, cũng từ năm 2016 đến nay anh H và chị H1 đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị H1 đều lẩn tránh và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho Anh Vũ Ngọc H được ly hôn Chị Ngô Thị Xuân H1 là có cơ sở.

[3] Về con chung: Anh Vũ Ngọc H và Chị Ngô Thị Xuân H1 có hai con chung, nhưng các cháu đã đến tuổi trưởng thành anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Vũ Ngọc H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Vũ Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị Ngô Thị Xuân H1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Anh Vũ Ngọc H được ly hôn Chị Ngô Thị Xuân H1

**2. Về án phí:** Anh Vũ Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai số 7114, ngày 03/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. (Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm)

Án xử công khai sơ thẩm, Anh Vũ Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ngô Thị Xuân H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

### ***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Yên Bái;
- VKS tp Yên Bái;
- Chi cục THADS tp Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p H,  
Tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Lâm**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Lâm**

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- VKS thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND p Hồng Hà,  
Tp Yên Bái, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Lâm**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Lâm**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:<sup>(6)</sup>**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông (Bà).....

**Thẩm phán:** Ông (Bà) .....

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

**- Thư ký phiên tòa:** Ông (Bà).....<sup>(7)</sup>

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân<sup>(8)</sup>..... tham gia phiên tòa:**

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....<sup>(9)</sup> tại .....

xét xử sơ thẩm công khai<sup>(10)</sup> vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....<sup>(11)</sup>

ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....<sup>(12)</sup>

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST

ngày..... tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:<sup>(13)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(14)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(15)</sup> .....

2. Bị đơn:<sup>(16)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:<sup>(17)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:<sup>(18)</sup> .....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):<sup>(19)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(20)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(21)</sup> .....

4. Người làm chứng:<sup>(22)</sup> .....

5. Người giám định:<sup>(23)</sup> .....

6. Người phiên dịch:<sup>(24)</sup> .....

### NỘI DUNG VỤ ÁN:<sup>(25)</sup>

.....  
.....  
.....

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:<sup>(26)</sup>

[1] .....

[2] .....

[3] .....

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....<sup>(27)</sup> .....

<sup>(28)</sup>.....

.....<sup>(29)</sup>

---